Vietnam Tariff Intelligence

Detalle del SA 9836.50

Código SA	9836.50
Descripción	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn:
Unidad	
Generado	02/11/2026 01:56:13
Versión de datos	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Estado de verificación	Datos arancelarios cotejados con el archivo de origen; recomendaciones/correspondencias orientativas; elegibilidad para el TLC no verificada.
Enlace	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/983650/

14 líneas arancelarias en 9836.50

Código SA	Descripción	Unidad	Derecho de importación ordinario	MFN	VAT
9836.50.10	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh		27%	18%	Sin datos
9836.50.10	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô đông lạnh		27%	18%	Sin datos
9836.50.20	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải		27%	18%	Sin datos

Código SA	Descripción	Unidad	Derecho de importación ordinario	MFN	VAT
9836.50.20	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô thu gom phế thải có bộ phận nén phế thải		27%	18%	Sin datos
9836.50.30	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn		27%	18%	Sin datos
9836.50.30	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô xi téc; ô tô chở xi măng kiểu bồn		27%	18%	Sin datos
9836.50.40	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị		15%	10%	Sin datos
9836.50.40	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô bọc thép để chở hàng hóa có giá trị		15%	10%	Sin datos
9836.50.50	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được		27%	18%	Sin datos
9836.50.50	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô chở bùn có thùng rời nâng hạ được		27%	18%	Sin datos
9836.50.60	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô tự đổ		36%	24%	Sin datos

Código SA	Descripción	Unidad	Derecho de importación ordinario	MFN	VAT
9836.50.60	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Ô tô tự đổ		36%	24%	Sin datos
9836.50.90	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Loại khác		36%	24%	Sin datos
9836.50.90	Khung gầm đã gắn động cơ, có buồng lái (xe ô tô sát xi, có buồng lái), có tổng trọng lượng có tải trên 20 tấn nhưng không quá 45 tấn. / - Của xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa: / - - Của loại khác, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện: / - - - Khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 24 tấn nhưng không quá 45 tấn: / - - - - Loại khác		36%	24%	Sin datos

Este informe es orientativo y se genera a partir de los datos arancelarios de origen y de las reglas de asesoría. No es una resolución aduanera y no confirma la clasificación SA, la elegibilidad para el TLC ni la validez jurídica. El usuario debe verificar con la legislación vigente.